

XÃ HỘI DÂN SỰ Ở VIỆT NAM – MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TÂM DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LÝ

Đỗ An Bình^(*)

“Xã hội dân sự” (XHDS) (“civil society”/“société civile”/“societas civilis”) là một hiện tượng có tính lịch sử gắn liền với đời sống xã hội của con người. Từ khi xuất hiện cho đến nay^(**), thuật ngữ “XHDS” đã được nghiên cứu, luận bàn dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau và ngày càng được “cởi mở”, “thông thoáng” hơn. Ở một bình diện chung nhất, nội hàm của “XHDS” bao gồm tập hợp các mối quan hệ xã hội rộng rãi trong các “lĩnh vực” (khu vực) của đời sống xã hội con người “ngoài nhà nước” (phi nhà nước). Các mối quan hệ xã hội này tồn tại dựa trên cơ sở “tự nguyện”, “tự do

ý chí”, “tự định đoạt”, “tự chịu trách nhiệm” của cá nhân con người (công dân) trong mối quan hệ “bình đẳng” với nhà nước.

Có thể thấy rằng, sự tồn tại của XHDS là một tất yếu khách quan gắn liền với tiến trình lịch sử phát triển của các hình thái kinh tế xã hội. XHDS là một nhu cầu, sự khao khát và là mục tiêu của con người trong một nền dân chủ thực sự. Ở đó, con người mong muốn có được sự tự do bản ngã, tự do đích thực với các giá trị cá nhân và quyền con người ngày càng được khẳng định, đề cao. Chính vì vậy, dù có được thừa nhận về mặt pháp lý hay không, XHDS cũng đã, đang và sẽ tồn tại ở nước ta như là một tất yếu khách quan, gắn liền với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đông đảo nhân dân lao động.

^(*) ThS. Luật học, Học viện Chính trị – Hành chính khu vực II, Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

^(**) Thuật ngữ “XHDS” xuất hiện lần đầu tiên ở nước Anh vào năm 1594

Trong XHDS, mối quan hệ giữa con người với nhau được điều chỉnh chủ yếu bởi các quy phạm xã hội, con người tồn tại trong trạng thái tự do, tự quản, thể hiện tinh thần và thái độ tự nguyện của cá nhân trong đời sống xã hội. Pháp luật chỉ là yếu tố điều chỉnh, định hướng hành vi con người trong vòng có trật tự và hướng đến việc bảo vệ các giá trị, quyền, lợi ích hợp pháp của con người khi tự bản thân XHDS không thể tự bảo đảm được.

Sự tồn tại và phát triển của XHDS ở nước ta thời gian qua đã thể hiện vai trò và những đóng góp đáng kể cho quá trình phát triển nền kinh tế - xã hội của đất nước. XHDS là nơi để người dân gắn bó tình cảm, tương thân tương ái, thực hiện bổn phận và trách nhiệm lẫn nhau; phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân; bảo vệ và thúc đẩy các lợi ích chung; góp phần bảo vệ môi trường; xóa đói giảm nghèo; phòng chống tham nhũng, chống lăng phí; giảm các tiêu cực, hành vi sai trái của cán bộ, công chức; thúc đẩy việc nâng cao trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân; giảm nhẹ gánh nặng công việc cho Nhà nước; tạo điều kiện tham gia và giám sát của nhân dân đối với Nhà nước cũng như các quá trình xã hội... Lẽ dĩ nhiên, XHDS không phải là lực lượng đối lập với Nhà nước, làm yếu đi sức mạnh và quyền lực của Nhà nước, mà ngược lại một nhà nước chỉ thực sự có sức mạnh và quyền lực, khi nó tồn tại trên nền tảng hệ thống thiết chế dân chủ với sự tồn tại của XHDS rộng lớn và lành mạnh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định một triết lý nhân sinh: Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Một đất nước không có độc lập cũng không thể có tự do. Độc lập, tự do là vốn quý của con người. Trong quan hệ giữa người dân

(công dân) với nhà nước, độc lập và tự do đích thực của con người chỉ có được trong nhà nước pháp quyền dân chủ và XHDS, bởi vì ở đó con người được giải phóng, được thể hiện bản ngã và bình đẳng tham gia vào các quá trình xã hội, được làm những gì theo ý nguyện và lương tri trên cơ sở các quyền, nghĩa vụ được pháp luật thừa nhận và đảm bảo. Khi đó giai cấp công nhân và đồng bào nhân dân lao động mới thực sự là người chủ của đất nước, làm chủ xã hội; là chủ thể của quyền lực nhà nước, kiểm soát và đảm bảo cho quyền lực nhà nước không bị lạm dụng, tha hóa; nhà nước pháp quyền XHCN thực sự là "của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân".

Từ giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển XHDS ở nước ta cần được đặt trong mối quan hệ mật thiết với Nhà nước pháp quyền XHCN, được điều chỉnh bằng pháp luật và gắn liền với nền dân chủ XHCN. Nhà nước pháp quyền XHCN và dân chủ XHCN là các yếu tố làm nền tảng cho sự tồn tại của XHDS theo yêu cầu và đòi hỏi của đời sống xã hội. Trong mối quan hệ với Nhà nước pháp quyền XHCN, XHDS được "thiết lập" và "vận hành" trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước. Ngược lại, bản chất và giá trị của Nhà nước pháp quyền XHCN chỉ được khẳng định và đề cao trong một XHDS lành mạnh. Trong mối quan hệ với dân chủ XHCN, XHDS sẽ được "mở rộng" trong một nhà nước dân chủ thực sự. Ngược lại, dân chủ đích thực chỉ được phát huy trong một XHDS được thừa nhận rộng rãi dựa trên cơ sở điều chỉnh của hệ thống pháp luật dân chủ.

Ở nước ta hiện nay, với một thiết chế chính trị nhất nguyên, đời sống kinh tế xã hội là sự tồn tại của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN,

trong đó Nhà nước đã thừa nhận về mặt pháp lý (ghi nhận trong Hiến pháp và luật) sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu dựa trên nền tảng chế độ sở hữu toàn dân, tập thể và tư nhân.

Hiến pháp năm 1946 đã đặt nền móng pháp lý cho sự tồn tại của XHDS ở nước ta. Điều 10 của Hiến pháp năm 1946 khẳng định: "Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận; Tự do tổ chức và hội họp...". Và các quyền tự do dân chủ của công dân ngày càng được mở rộng trong các bản Hiến pháp sau này. Thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 1946, ngày 20/05/1957 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 102-SL/L004 ban hành Luật quy định về quyền lập hội. Sau đó ngày 14/06/1957 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 258-TTg về việc quy định chi tiết thi hành Sắc lệnh số 102-SL/L004, tạo điều kiện cho các hội được thành lập và hoạt động. Tuy nhiên, do điều kiện đất nước còn chiến tranh nên sự hình thành và phát triển của các hội còn nhiều hạn chế.

Trong thời kỳ phát triển nền kinh tế tập trung bao cấp, các Hiến pháp năm 1959 và năm 1980 đều ghi nhận các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình của công dân... Rõ ràng, cơ sở pháp lý cho sự tồn tại của XHDS tiếp tục được thừa nhận và khẳng định. Song, lại một lần nữa XHDS vấp phải rào cản lớn do có những sai lầm trong nhận thức và tổ chức thực hiện từ phía các cơ quan nhà nước.

Hiến pháp năm 1992 Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đã khơi thông dòng chảy tư duy và đặt nền tảng pháp lý vững chắc cho quá trình đổi mới các chế độ kinh tế xã hội ở nước ta. Đó cũng là cơ sở pháp lý để XHDS không ngừng được củng cố, mở rộng và phát triển.

Đặc biệt, từ khi có Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/07/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (thay thế Nghị định số 258-TTg của Chính phủ ngày 14/06/1957 về việc quy định chi tiết thi hành Sắc lệnh số 102-SL/L004) và sau đó là Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, việc thành lập, hoạt động và quản lý đối với hội trở nên thuận lợi, ngày càng đi vào nề nếp hơn, khuyến khích sự ra đời của nhiều loại hình hội khác nhau.

Ngoài ra, để mở rộng và định hướng phát triển các hội đoàn của người Việt ở nước ngoài, ngày 08/06/2008 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 19/2008/CT-TTg về việc tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về công tác với người Việt Nam ở nước ngoài. Chỉ thị đã quy định rõ hơn nhiệm vụ của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài là: Chỉ đạo các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài tiến hành tổ chức, thành lập các hội đoàn người Việt Nam ở địa bàn có thể triển khai được, định hướng và phát triển các hoạt động của hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nhằm củng cố sự ổn định lâu dài tại chỗ, cùng nhau đoàn kết hướng về Tổ quốc. Từ cơ sở pháp lý này, nhiều tổ chức hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài được ra đời và ngày càng mở rộng.

Cho đến nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được coi là tổ chức XHDS rộng lớn nhất ở nước ta. Bên cạnh đó, hàng chục nghìn tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trong hầu khắp các khu vực của đời sống kinh tế xã hội từ trung ương đến cơ sở. Lý do và động cơ thành lập của hầu hết các

hội đều hướng đến việc thỏa mãn nhu cầu, nguyện vọng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc hoặc bảo vệ lợi ích hợp pháp của hội viên. Rõ ràng, một giai đoạn phát triển mới của XHDS ở nước ta đang được bắt đầu. Một điều tra xã hội học về chỉ số tham gia hội đoàn ở Việt Nam cho thấy: "Ở Việt Nam, trung bình mỗi người là thành viên của 2,33 tổ chức, cao hơn nhiều nếu so với những nước trong khu vực châu Á, như Trung Quốc (0,39) và Singapore (0,86). Theo khảo sát này, tỷ lệ những người thuộc ít nhất một tổ chức là 73,5%, một tỉ lệ tương đối cao"⁽¹⁾.

Có thể thấy, sự tồn tại của nhiều loại hình tổ chức hội đoàn trong thời gian gần đây, một mặt chứng tỏ sự đa dạng hóa đang ngày càng tăng lên trong đời sống kinh tế xã hội ở nước ta, mặt khác cũng thể hiện vai trò của pháp luật đối với XHDS. Trong thời gian tới, sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng XHCN theo hướng CNH, HĐH cùng với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng sẽ dẫn đến việc xuất hiện những nhân tố mới ngày càng thúc đẩy quá trình xã hội hóa sâu sắc, làm cho số lượng và không gian của XHDS không ngừng rộng mở và phát triển. Do vậy, một vấn đề hết sức quan tâm ở nước ta hiện nay là những bảo đảm pháp lý cho một XHDS phát triển lành mạnh, đúng hướng. Chúng ta có thể nhận thấy tính pháp lý của XHDS được thể hiện trong Hiến pháp hiện hành chỉ ở dưới dạng quy định khung pháp lý nền tảng, mang tính khái quát cao. Việc thể chế và cụ thể hóa các quy định này mới

chỉ dừng lại ở mức khiêm tốn nên chưa thật sự làm lành mạnh hóa và tự do hóa các quan hệ của XHDS đúng như bản chất của chúng.

Trong thời kỳ kinh tế tập trung bao cấp trước đây, chúng ta đã từng mắc phải nhận thức sai lầm là đề cao vị trí, vai trò của Nhà nước, cho rằng Nhà nước có thể chăm lo và bảo đảm mọi quyền lợi của công dân. Thực tế cho thấy, Nhà nước đã không thể làm được điều đó. Hiện nay, Nhà nước đang dần trả lại gánh nặng trách nhiệm cho xã hội; công việc nào của Nhà nước, Nhà nước tiếp tục thực hiện và bảo đảm, công việc nào của XHDS, cần giao lại cho XHDS tự điều chỉnh.

Theo các quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh về XHDS, quyền lập hội đang tồn tại một số hạn chế, bất cập như: việc lập hội còn mang tính xin

cho, còn có sự can thiệp của Nhà nước đối với việc thành lập và hoạt động của hội; một số quy định khác chưa linh hoạt và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội khách quan... Vì thế ở khá nhiều địa phương, không ít hội, nhóm được hình thành và hoạt động tự phát, ngoài vòng pháp luật. Các hội, nhóm "hoạt động chui" tồn tại khá nhiều ở hầu khắp các địa phương hiện nay đang là một vấn đề rất đáng quan tâm. Cũng từ những hạn chế trên, đầu năm 2009 Chính phủ đã có Dự thảo nghị định mới thay thế Nghị định số 88/2003/NĐ-CP (do Bộ Nội vụ soạn thảo trình Chính phủ). Tuy nhiên, khi gửi Dự thảo nghị định để lấy ý kiến đã vấp phải sự phản đối khá gay gắt từ phía các cá nhân, tổ chức, nhóm xã hội vì có nhiều quy định chưa phù hợp với yêu cầu của thực tế khách quan.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, chúng tôi cho rằng, để mở rộng và phát huy vai trò, tính tích cực của XHDS định hướng

⁽¹⁾ Vũ Duy Phú (chủ biên), *Xã hội dân sự: Một số vấn đề chọn lọc*, Nxb Tri thức. HN. 2008, tr. 129-130

XHCN ở nước ta hiện nay, việc làm có tính thiết thực và cấp bách là **hoàn thiện khung pháp lý** để điều chỉnh và định hướng phát triển cho XHDS, cụ thể là:

Thứ nhất, cần sớm xây dựng và ban hành "Luật về hội" hoặc "Luật về hội đoàn" hoặc "Luật về tổ chức và hoạt động của hội đoàn"

Quyền lập hội là một trong các quyền con người cơ bản được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế quan trọng nhất (Điều 20, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người; Điều 22, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị). Ở nước ta, quyền lập hội đã được thể chế hóa và khẳng định trong các bản Hiến pháp, trở thành một trong những quyền cơ bản của công dân. Song, quyền lập hội sẽ không được hiện thực hóa trong đời sống xã hội nếu như không đảm bảo cơ chế và việc tiếp tục cụ thể hóa trong luật. Do vậy, khi xây dựng các quy định của luật, cần mở rộng và tạo điều kiện cho các hội đoàn được tổ chức và hoạt động, được thực hiện các hoạt động mà pháp luật không cấm (như doanh nghiệp vậy). Nhà nước chỉ với vai trò định hướng, kiểm soát, tránh can thiệp sâu vào các hoạt động của hội đoàn. Có như vậy, XHDS định hướng XHCN mới phát huy được vai trò và tính ưu việt của nó.

Thứ hai, trong chương trình xây dựng luật của Quốc hội cần sớm có kế hoạch và lộ trình về việc ban hành các văn bản luật trong lĩnh vực XHDS như: Luật về tự do ngôn luận; Luật về hội họp và quyền được thông tin; Luật về biểu tình...

Quyền lập hội là quyền thể hiện vai trò xã hội của các cá nhân, cộng đồng gắn với quyền tự do ngôn luận, báo chí, thông tin, hội họp, biểu tình. Năm 1999, Quốc hội đã ban hành Luật Báo chí sửa đổi, bổ sung. Có thể thấy rằng, kể từ khi Luật này được ban hành, hoạt động

báo chí trở nên sôi động và tích cực. Với việc thừa nhận sự đa dạng của các loại hình báo chí, cơ chế tiếp cận thông tin và phản hồi của người dân trở nên rất phong phú, đa chiều. Chừng nào Luật về tự do ngôn luận; Luật về hội họp và quyền được thông tin; Luật về biểu tình được ban hành, phản ánh đúng bản chất của các mối quan hệ xã hội hiện thực khách quan, thì tiếng nói và các hoạt động của XHDS sẽ có cơ sở vững chắc và không ngừng phát huy vai trò, trách nhiệm trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta.

Thứ ba, tiếp tục nghiên cứu, rà soát, tìm ra những bất cập, hạn chế trong quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh về XHDS (nhất là trong Nghị định số 88/2003/NĐ-CP) để kịp thời sửa đổi, bổ sung đáp ứng yêu cầu thực tế hiện nay. Các quy định của pháp luật phải phản ánh đúng bản chất và xu hướng vận động khách quan của XIHDS, đồng thời thể hiện được ý chí, nguyện vọng của giai cấp công nhân và đồng bào nhân dân lao động.

Thứ tư, cùng với sự thừa nhận và bảo đảm về mặt pháp lý cho việc mở rộng và phát triển XHDS, Nhà nước ta cần nhanh chóng hoàn thiện cơ chế quản lý theo định hướng XHCN đối với XHDS. Một mặt, *Nhà nước cần sớm xóa bỏ việc xin cho⁽¹⁾* cũng như can thiệp sâu vào tổ chức và hoạt động của XHDS, nhưng mặt khác, *Nhà nước phải kiểm soát được mọi hoạt động của XIHDS*. Điều này cũng đặt ra yêu cầu phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ, công chức quản lý có trình độ, năng lực thực sự.

(Xem tiếp trang 17)

⁽¹⁾Xem:Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, Điều 6,7,8



Tp. HCM: Ngành CNTT thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao

Ảnh: ST

Chính phủ Singapore chính là nguồn lực con người và để có được thành quả phát triển vững mạnh như ngày hôm nay là hàng loạt chính sách, chiến lược và sự nhín nhận, đánh giá đúng đắn về công tác cán bộ. Một trong những thành công nhất của Singapore được kiểm nghiệm trong thực tế đó là đã phát hiện, tập hợp và sử dụng được 300 nhân tài của đất nước theo nguyên tắc: để người có thực tài điều hành công việc. Có đánh giá đúng thì mới biết sử dụng đúng. Đó là một nguyên lý! Và nguyên lý này đã được vận hành thực sự có hiệu quả ở đất nước Singapore. Đối với

nước ta, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, do chưa xác định được phương pháp đánh giá cán bộ thật sự công tâm, khách quan, thiếu độ tin cậy. Điều đó càng đòi hỏi Đảng, cấp ủy và cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải chịu trách nhiệm về công tác đánh giá và sử dụng cán bộ khi giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đồng thời, thông qua đó tiếp tục xây dựng một chính sách thu hút nhân tài hoàn chỉnh, chào đón tất cả những ai có thể đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước, có chính sách mở cửa đối với những nhân tài là Việt kiều hay người nước ngoài.

Có thể nói, những luận điểm nêu trên chính là một trong những nội dung cơ bản của công cuộc đổi mới chính trị cũng như công cuộc đổi mới công tác cán bộ. Đất nước ta không thiếu những con người tài năng với những ước mơ, khát vọng lớn, nhưng mắt xích quan trọng là Đảng và Nhà nước phải thúc đẩy những cuộc cải cách mang tầm chiến lược để từng bước chèo lái con tàu Việt Nam cập bến công cuộc hội nhập và phát triển. □

XÃ HỘI DÂN SỰ Ở VIỆT NAM...

(tiếp trang 29)

Một trong những vai trò quan trọng của pháp luật là góp phần tạo dựng những quan hệ xã hội mới. Chính vì thế, chỗ đứng và vai trò của XHDS định hướng XHCN ở nước ta chỉ được xác lập, khẳng định và phát huy khi Nhà nước tôn trọng và xác định rõ ràng hướng đi của XHDS bằng pháp luật, phản ánh

đúng bản chất và quy luật phát triển tất yếu của đời sống xã hội, phù hợp với các điều kiện sinh hoạt vật chất khách quan. Sẽ không thể có một XHDS theo định hướng XHCN, thể hiện ý chí và nguyện vọng của đông đảo nhân dân lao động nếu như XHDS đó không được thừa nhận và bảo đảm đầy đủ về mặt pháp lý. □